

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST
Ngày: 10 - 7 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lệnh Khâm Vĩ, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh D, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 43/2025/TLST-KDTM ngày 25 tháng 3 năm 2025, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2025/QĐXXST-KDTM ngày 06 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T; trụ sở: F11/1A, đường V, ấp F, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hồ Nguyễn Khương D1, sinh năm 1998; địa chỉ thường trú: Thôn L, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; địa chỉ liên hệ: Số B, đường D, KDC P, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2025). Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dương Hồng S, sinh năm 1996 là Luật sư Công ty L – thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H. Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV S1; trụ sở: Thửa đất số 881, tờ bản đồ số 28, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông FAN, BAOJIANG, sinh năm 1978, Quốc tịch: Trung Quốc, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH T (viết tắt là Công ty T) và Công ty TNHH MTV S1 (viết tắt Công ty S1) đã ký kết hai hợp đồng mua bán hàng hóa (thép nhôm mạ kẽm), gồm Hợp đồng số TP2021-002 ngày 31/8/2021 với tổng giá trị 14.548.072.000 đồng và Hợp đồng số TP2021-003 ngày 14/9/2021 với tổng giá trị 9.138.690.000 đồng. Tổng giá trị hai hợp đồng là 23.686.762.000 đồng. Việc ký kết hợp đồng do đại diện của hai doanh nghiệp ký kết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán và ứng trước tổng số tiền 22.336.429.000 đồng theo đề nghị của Công ty S1 để công ty này nhập hàng. Cụ thể: Ngày 22/10/2021 căn cứ Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/10/2021. Lần 1: 1.364.421.600 đồng; Lần 2: 3.000.000.000 đồng. Ngày 01/11/2021: 2.741.607.000 đồng (Căn cứ Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có từ ngày 01/11/2021 đến ngày 30/11/2021). Ngày 10/12/2021: 11.236.400.951 đồng (Căn cứ Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có từ ngày 01/12/2021 đến ngày 31/12/2021). Ngày 31/03/2022: 1.000.000.000 đồng (Căn cứ Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có từ ngày 01/03/2022 đến ngày 31/03/2022). Ngày 08/4/2022: Căn cứ Sổ phụ kiêm phiếu báo nợ/có từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/4/2022. Lần 1: 499.000.000 đồng; Lần 2: 499.000.000 đồng; Lần 3: 499.000.000 đồng; Lần 4: 499.000.000 đồng; Lần 5: 499.000.000 đồng; Lần 6: 499.000.000 đồng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S1 chỉ mới giao hàng 03 lần với tổng giá trị 17.326.145.254 đồng theo các hóa đơn giá trị gia tăng. Cụ thể: Ngày 15/01/2022: 7.614.008.248 đồng (Hóa đơn VAT số 0000081 do Công ty S1 lập cùng ngày). Ngày 07/03/2022: 6.658.900.677 đồng (Hóa đơn VAT số 0000091 do Công ty S1 lập cùng ngày). Ngày 08/8/2022: 3.053.236.329 đồng (Hóa đơn VAT số 15 do Công ty S1 lập cùng ngày). Do đó, Công ty S1 còn nợ Công ty T số tiền 5.010.284.297 đồng.

Vào ngày 31/12/2022, Công ty T đã gửi thư xác nhận công nợ đến Công ty S1 để tiến hành xác nhận số tiền mà Công ty S1 còn nợ Công ty T đến ngày 31/12/2022 là 5.010.284.297 đồng. Đến ngày 29/03/2023, đại diện của Công ty S1 đã ký xác nhận và đóng dấu trong thư xác nhận công nợ và thừa nhận Công ty S1 còn nợ Công ty T số tiền nói trên. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay, Công ty T đã nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty S1 thanh toán lại phần công nợ nêu trên nhưng Công ty S1 vẫn trì hoãn, kéo dài, trốn tránh không thực hiện việc thanh toán, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty T.

Nhận thấy Công ty S1 cố tình vi phạm, không thiện chí giải quyết, hành vi của Công ty S1 đã xâm phạm nghiêm trọng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty T nên đề nghị quý Tòa án giải quyết như sau:

- Tuyên chấm dứt các hợp đồng Đặt hàng số TP 2021-002 ký ngày 31/8/2021 và hợp đồng Đặt hàng số TP2021-003 ngày 14/9/2021 ký giữa Công ty TNHH T đối với Công ty TNHH MTV S1. Theo quy định tại khoản 13 điều 3 Luật Thương mại 2005: “Vi phạm cơ bản là sự vi phạm hợp đồng của một bên gây thiệt hại cho bên kia đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết hợp

đồng”. Do Công ty S1 đã không thực hiện việc giao hàng hóa đầy đủ, đúng hạn và không hoàn lại tiền chênh lệch cho Công ty T nên các hành vi trên của Công ty đã đủ điều kiện để xem là vi phạm nghĩa vụ cơ bản của hợp đồng. Vì vậy, Công ty T có quyền được đơn phương chấm dứt hợp đồng theo khoản 1 điều 428 Bộ luật Dân sự 2015.

- Buộc Công ty S1 hoàn trả cho Công ty T số tiền 5.010.284.297 đồng (Năm tỷ không trăm mười triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi bảy đồng) mà Công ty T đã thanh toán, ứng trước cho Công ty S1 để thực hiện hợp đồng đặt hàng số TP2021-002 và hợp đồng đặt hàng số TP2021-003. Vì Công ty S1 đã không thực hiện đúng cam kết như trong hợp đồng (giao không đủ hàng cho Công ty T) nên phải có nghĩa vụ phải hoàn trả số tiền hàng đã nhận tương đương với số hàng chưa giao.

- Buộc Công ty S1 phải trả lãi trên số tiền chậm thanh toán tương ứng với số ngày chậm thanh toán cho Công ty T tính từ ngày công nợ được xác lập (ngày 01/01/2023) tạm tính đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 10/7/2025), tổng cộng là 921 ngày, với lãi chậm trả 0,0274%/ngày (10%/năm). Số tiền lãi Công ty S1 phải trả là: $5.010.284.297 \times 0,0274\% \times 921 \text{ ngày} = 1.264.238.860$ đồng (Một tỷ hai trăm sáu mươi tư triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi đồng).

Tổng số tiền Công ty S1 phải trả cho Công ty T tính tới ngày 10/7/2025 là: 6.274.523.157 đồng (Sáu tỷ hai trăm bảy mươi tư triệu năm trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng).

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố H phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không tham gia tố tụng, không trình bày, cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện

yêu cầu trả tiền và lãi suất theo Hợp đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH MTV S1; trụ sở: Thửa đất số 881, tờ bản đồ số 28, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên quan hệ pháp luật “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH MTV S1 không còn hoạt động. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH MTV S1 để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Hợp đồng số TP2021-002 ngày 31/8/2021 với tổng giá trị 14.548.072.000 đồng và Hợp đồng số TP2021-003 ngày 14/9/2021 với tổng giá trị 9.138.690.000 đồng. Tổng giá trị của hai hợp đồng là 23.686.762.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã thanh toán và ứng trước tổng số tiền 22.336.429.000 đồng theo đề nghị của Công ty S1 để nhập hàng. Tuy nhiên, Công ty S1 chỉ mới giao 03 lần hàng hóa với tổng giá trị là 17.326.145.254 đồng. Vì vậy, Công ty S1 vẫn còn nợ Công ty T số tiền 5.010.284.297 đồng do chưa giao đủ hàng như thỏa thuận tại hợp đồng đã ký.

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết là hợp đồng song vụ. Nguyên đơn bên mua đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình thanh toán, ứng trước tiền mua hàng cho bị đơn bên mua. Việc bị đơn bên bán hàng không giao đủ hàng hóa cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng hai bên ký kết làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền gốc đã nhận là 5.010.284.297 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số tiền gốc đã nhận của nguyên đơn do vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số ngày chậm trả tính từ ngày công nợ được xác lập (ngày 01/01/2023) tạm tính đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm (ngày 10/7/2025), tổng cộng là 921 ngày, với lãi chậm trả 0,0274%/ngày (10%/năm). Số tiền lãi là: $5.010.284.297 \text{ đồng} \times 0,0274\%/\text{ngày} \times 921 \text{ ngày} = 1.264.238.860 \text{ đồng}$ (Một tỷ hai trăm sáu mươi bốn triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm sáu mươi đồng). Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ giao hàng nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi như trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 39, 40, 85, 86, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55 của Luật Thương mại;
- Các Điều 357, 430, 431, 434, 440 và 468 của Bộ luật dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T đối với bị đơn Công ty TNHH MTV S1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

- Chấm dứt Hợp đồng số TP2021-002 ngày 31/8/2021 và Hợp đồng số TP2021-003 ngày 14/9/2021 giữa Công ty TNHH T và Công ty TNHH MTV S1.

- Buộc Công ty TNHH MTV S1 trả cho Công ty TNHH T số tiền là 6.274.523.157 đồng (Sáu tỷ hai trăm bảy mươi bốn triệu năm trăm hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi bảy đồng). Trong đó gồm: Nợ gốc là: 5.010.284.297 đồng; nợ lãi là: 1.264.238.860 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty TNHH MTV S1 phải chịu 114.247.000 đồng (Một trăm mười bốn triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.047.351 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn ba trăm năm mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005143 ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Cảnh Khang